

CÔNG TY CỔ PHẦN  
DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Số: 09/BC-DCL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 07 năm 2026

**BÁO CÁO**  
**Tình hình quản trị công ty**  
**(6 tháng năm 2026)**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên công ty niêm yết: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**
- Địa chỉ trụ sở chính: số 150 đường 14 tháng 9, Phường Thanh Đức, Tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại: 02703 822533 Fax: 02703.822129
- Vốn điều lệ: 730.410.300.000 đồng
- Mã chứng khoán: DCL
- Mô hình quản trị công ty:
- + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: đã thực hiện.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

| Stt | Số Nghị quyết/Quyết định                                                  | Ngày       | Nội dung                                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------|
| I   | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ | 24/04/2026 | Thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên |

**II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng):**

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị ("**HDQT**"):

| Stt | Thành viên HDQT      | Chức vụ/ Position (thành viên HDQT độc lập, TVHDQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT/HDQT độc lập |                 |
|-----|----------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                      |                                                                     | Ngày bổ nhiệm                                          | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Ông Nguyễn Văn Sang  | Chủ tịch HDQT, người DDTP                                           | 14/06/2022                                             |                 |
| 2   | Ông Nguyễn Ninh Dũng | Thành viên HDQT không điều hành                                     | 14/06/2022                                             |                 |
| 3   | Bà Bùi Hồng Hạnh     | Thành viên HDQT không điều hành                                     | 14/06/2022                                             |                 |
| 4   | Nguyễn Ngọc Mai      | Thành viên HDQT không điều hành                                     | 25/04/2024                                             |                 |
| 5   | Ông Phạm Văn Ngọc    | Thành viên HDQT độc lập                                             | 25/04/2024                                             |                 |

2. Các cuộc họp HDQT:

| Stt | Thành viên HDQT      | Số buổi họp HDQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Văn Sang  | 06/06                    | 100%              |                         |
| 2   | Ông Nguyễn Ninh Dũng | 06/06                    | 100%              |                         |
| 3   | Bà Bùi Hồng Hạnh     | 06/06                    | 100%              |                         |
| 4   | Nguyễn Ngọc Mai      | 06/06                    | 100%              |                         |
| 5   | Ông Phạm Văn Ngọc    | 06/06                    | 100%              |                         |

3. Hoạt động giám sát của HDQT đối với Ban Giám đốc:

- Hội đồng Quản trị (HDQT) đã thực hiện đầy đủ chức năng quản trị và giám sát đối với Ban Giám đốc thông qua các cuộc họp định kỳ và bất thường, triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua; xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền; đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh và định hướng chiến

lược phát triển của Công ty. Chủ tịch HĐQT thường xuyên làm việc với Ban Tổng Giám đốc nhằm thống nhất các định hướng về chiến lược sản phẩm, kế hoạch đầu tư, kế hoạch chuyển đổi số, OGSM và ngân sách hoạt động trong năm.

- HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên và các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định, với tinh thần trách nhiệm, trung thực và vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.
- Việc công bố thông tin được HĐQT chỉ đạo thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định đối với công ty niêm yết; đảm bảo tính minh bạch và quyền tiếp cận thông tin của cổ đông theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện việc chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc cùng đội ngũ cán bộ quản lý trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đảm bảo tính linh hoạt trong quản trị điều hành; tuân thủ các quy định của pháp luật, của cơ quan quản lý Nhà nước, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Điều lệ Công ty. Công tác giám sát tập trung vào các nội dung trọng tâm sau:
  - Triển khai nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới cho Dự án Nhà máy EU-GMP tại Tây Ninh (tỉnh Long An cũ); bổ sung danh mục sản phẩm chất lượng cao tại Nhà máy Thiết bị y tế Benovas nhằm phục vụ nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu; thực hiện nâng cấp Nhà máy Non-betalactam tại Vĩnh Long theo tiêu chuẩn EU-GMP;
  - Xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư phát triển các sản phẩm công nghệ sinh học theo định hướng phát triển ngành công nghiệp Dược trong nước, phù hợp xu hướng hiện đại và các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư của Nhà nước;
  - Mở rộng danh mục sản phẩm nhập khẩu thông qua hoạt động đàm phán hợp tác, chuyển giao công nghệ hoặc phân phối độc quyền với các đối tác nước ngoài nhằm tham gia đấu thầu kênh ETC đối với các nhóm thuốc đặc trị, chất lượng cao;
  - Tập trung phát triển nhóm sản phẩm chiến lược, các sản phẩm có doanh thu và biên lợi nhuận gộp phù hợp với định hướng kinh doanh của Công ty;
  - Áp dụng các giải pháp tối ưu hóa công suất hoạt động của các nhà máy nhằm tiết giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả hoạt động;
  - Quản lý tài chính hiệu quả, kiểm soát chi phí theo kế hoạch và ngân sách đã được phê duyệt;
  - Thực hiện dự án chuyển đổi số trong tất cả hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty,
  - Đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự theo hướng chuyên nghiệp, tinh gọn và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu hoạt động và phát triển của Công ty.

#### 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có):

Hội đồng quản trị công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT, các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

#### 5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (6 tháng):

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định      | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                      | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1   | Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐQT  | 02/03/2026 | Về việc triệu tập ĐHĐCĐ thường niên 2026                                                                                                      | 100%            |
| 2   | Quyết định số 02/2026/QĐ-HĐQT  | 07/04/2026 | Về việc thay đổi nội dung đăng ký của Công ty con là Cty TNHH MTV Dược phẩm VPC-Sài Gòn                                                       | 100%            |
| 3   | Nghị quyết số 03/2026/NQ- HĐQT | 13/04/2026 | Về việc thông qua các quy chế hoạt động                                                                                                       | 100%            |
| 4   | Quyết định số 04/2026/QĐ-HĐQT  | 04/05/2026 | Bổ nhiệm ông Phạm Chung Đình giữ chức vụ PTĐKKD PT khối TT Dược phẩm                                                                          | 100%            |
| 5   | Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐQT  | 10/06/2026 | Thông qua các hợp đồng phát sinh doanh thu, chi phí giữa công ty với những bên có liên quan và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT | 100%            |
| 6   | Quyết định số 06/2026/QĐ-HĐQT  | 17/06/2026 | Thông qua việc điều chỉnh nội dung dự án đầu tư NM SX Dược phẩm theo tiêu chuẩn EU-GMP, điều chỉnh quy mô vốn đầu tư.                         | 100%            |

### III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm):

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (“BKS”)/Ủy ban Kiểm toán:

| Stt | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Trình độ chuyên môn |
|-----|----------------------------------|---------|------------------------------------------------------------|---------------------|
|-----|----------------------------------|---------|------------------------------------------------------------|---------------------|

|   |                  |            |                                          |                              |
|---|------------------|------------|------------------------------------------|------------------------------|
| 1 | Bà Ngô Thu Trang | Trưởng ban | Ngày bắt đầu là Trưởng ban<br>25/04/2025 | Cử nhân kế toán doanh nghiệp |
| 2 | Bà Phạm Thị Huệ  | Thành viên | Ngày bắt đầu là thành viên<br>14/06/2022 | Cử nhân tài chính ngân hàng  |
| 3 | Bà Lê Thị Thương | Thành viên | Ngày bắt đầu là thành viên<br>25/04/2025 | Cử nhân kế toán              |

## 2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán

| Số | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|----|----------------------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1  | Bà Ngô Thu Trang                 | 01/01               | 100%              | 100%             |                         |
| 2  | Bà Phạm Thị Huệ                  | 01/01               | 100%              | 100%             |                         |
| 3  | Bà Lê Thị Thương                 | 01/01               | 100%              | 100%             |                         |

## 3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Trưởng BKS có tham dự một số cuộc họp của HĐQT. BKS thực hiện giám sát công tác quản trị doanh nghiệp của HĐQT, ban điều hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ công ty và quy chế quản trị nội bộ của công ty. BKS giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2026.
- BKS kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính tháng, quý, 6 tháng; giám sát việc chấp hành các văn bản chính sách của nhà nước, quy trình quy chế và các quy định nội bộ của công ty; giám sát việc ban hành, sửa đổi, bổ sung quy trình, quy chế của công ty; giám sát hoạt động công bố thông tin kịp thời và đầy đủ theo quy định.
- BKS giám sát công tác quản lý sổ sách chứng từ liên quan đến cổ đông, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của cổ đông; đồng thời giám sát việc cổ đông được tham gia đóng góp ý kiến, chất vấn, yêu cầu cung cấp thông tin theo đúng quy định.

## 4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc việc phối hợp được thực hiện thường xuyên. BKS đã được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ. Các phòng ban trong công ty đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu của BKS.
- Ngoài các hoạt động kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát còn thực hiện các công việc sau:
  - + Tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành, thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch kinh doanh của công ty;
  - + Phân tích, đánh giá độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; trên cơ sở đó đưa ra các ý kiến, khuyến nghị kịp thời, các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh;
  - + Phối hợp, yêu cầu bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ và đột xuất các hoạt động nghiệp vụ tại công ty;
  - + Hỗ trợ và cho ý kiến chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị nội bộ, hệ thống quy trình, quy chế của công ty;
  - + Tham gia giám sát, phân biện các dự án đầu tư của công ty;
  - + Đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện các mục tiêu hoạt động khác của công ty.

## 5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có):

### IV. Ban điều hành

| STT | Thành viên Ban điều hành  | Chức vụ                                      | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn           | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|---------------------------|----------------------------------------------|---------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1   | Bà Nguyễn Thị Thu Hường   | Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật | 13/08/1989          | Cử nhân                       | Ngày bổ nhiệm: 01/05/2025                          |
| 2   | Ông Subhash Kesavan Nair  | Phó Tổng Giám đốc                            | 15/03/1974          | Cử nhân khoa học              | Ngày bổ nhiệm: 01/12/2025                          |
| 3   | Ông Phạm Chung Đình       | PT/GĐKD PT khối TT Dược phẩm                 | 01/03/1977          | Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ QTKD | Ngày bổ nhiệm: 04/05/2026                          |
| 4   | Ông Nguyễn Trọng Đức      | Phó Tổng Giám đốc sản xuất & SC              | 31/10/1975          | Đại học Quan hệ Quốc tế       | Ngày bổ nhiệm: 06/09/2024                          |
| 5   | Bà Nguyễn Lâm Minh Thương | Giám đốc tài chính                           | 27/11/1977          | Cử nhân kinh tế-CN TCTD       | Ngày bổ nhiệm: 29/11/2024                          |

#### V. Kế toán trưởng

| Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|--------------------|---------------------|-------------------------------|---------------------------|
| Bà Bùi Thị Mỹ Dung | 09/01/1989          | Đại học Tài chính ngân hàng   | Ngày bổ nhiệm: 29/11/2024 |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Người PT quản trị công ty tham gia:

- Diễn đàn "Mùa Đại hội đồng cổ đông 2026: Tuân thủ hay Bứt phá – Hiệu quả hay Bền vững" ngày 10/03/2026 do Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam (VIOD) cùng Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam tổ chức
- Tham dự Hội nghị do VNX tổ chức phổ biến Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết, Quy chế sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin, tổ chức ngày 07/05/2026.

#### VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

##### 1. Danh sách về người có liên quan của công ty:

Theo Phụ lục 1 đính kèm theo Báo cáo.

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-----|---------------------|-----------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
|-----|---------------------|-----------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|

*Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 24/04/2026 và Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐQT ngày 10/06/2026 về việc thông qua hợp đồng phát sinh doanh thu, chi phí giữa Công ty với những bên có liên quan và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT, trong 06 tháng đầu năm 2026 công ty đã phát sinh các hợp đồng như sau:

| STT No. | Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual                                                    | Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. * date of issue, place of issue                                 | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address                                                   | Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company | Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction | Ghi chú Note                                |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1       | Công ty cổ phần Tập đoàn FIT                                                                           | Công ty mẹ                                                      | 0102182140 cấp lần đầu ngày 08/03/2007 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội                            | Tầng 5, Tòa Time Tower - HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương - P. Thanh Xuân - Hà Nội       | 02/01/2026-31/12/2026                                                 | Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ của HĐQT thường niên năm 2026 ngày 24/04/2026 và Nghị quyết HĐQT số 05/2026/NQ-HĐQT ngày 10/06/2026                                                                                     | 3.634.112.122                                                                             | Hợp đồng dịch vụ tư vấn                     |
| 2       | Công ty cổ phần Tập đoàn FIT                                                                           | Công ty mẹ                                                      | 0102182140 cấp lần đầu ngày 08/03/2007 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội                            | Tầng 5, Tòa Time Tower - HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương - P. Thanh Xuân - Hà Nội       | 01/11/2023-31/10/2026                                                 |                                                                                                                                                                                                                        | 38.785.746                                                                                | Phụ lục Hợp đồng thuê mặt bằng VP Hà Nội    |
| 3       | Công ty cổ phần Tập đoàn FIT                                                                           | Công ty mẹ                                                      | 0102182140 cấp lần đầu ngày 08/03/2007 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội                            | Tầng 5, Tòa Time Tower - HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương - P. Thanh Xuân - Hà Nội       | 01/01/2026-31/12/2026                                                 |                                                                                                                                                                                                                        | 9.545.453                                                                                 | Hóa đơn T12/2025 đến T06/2026 (Tiền gửi xo) |
| 4       | Công ty cổ phần Tập đoàn FIT                                                                           | Công ty mẹ                                                      | 0102182140 cấp lần đầu ngày 08/03/2007 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội                            | Tầng 5, Tòa Time Tower - HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương - P. Thanh Xuân - Hà Nội       | 02/01/2026-31/12/2026                                                 |                                                                                                                                                                                                                        | 1.421.849.418                                                                             | Hợp đồng dịch vụ tư vấn                     |
| 5       | Công ty cổ phần dược phẩm Benovas                                                                      | Công ty con                                                     | 0314033736 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM                             | 276 Nguyễn Đình Chiểu- P Xuân Hoà- TP. HCM                                                      | 01/01/2026-31/12/2026                                                 |                                                                                                                                                                                                                        | 228.832.043.140                                                                           | Hợp đồng kinh tế năm 2026                   |
| 6       | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn (từ ngày 14/04/2026 đổi tên thành Cty TNHH MTV Benovas Capsule) | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2021, thay đổi lần 13 ngày 14/04/2026 Nơi cấp: Sở Tài chính Vĩnh Long | Số 21B, Đường Phan Đình Phùng, Phường Tân Hạnh, Tỉnh Vĩnh Long                                  |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                        | 3.000.000.000                                                                             | Chi tiền Hợp đồng hợp tác đầu tư            |
| 7       | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn (từ ngày 14/04/2026 đổi tên thành Cty TNHH MTV Benovas Capsule) | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2021, thay đổi lần 13 ngày 14/04/2026 Nơi cấp: Sở Tài chính Vĩnh Long | Số 21B, Đường Phan Đình Phùng, Phường Tân Hạnh, Tỉnh Vĩnh Long                                  |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                        | 53.811.622.535                                                                            | Thu tiền Hợp đồng hợp tác đầu tư            |
| 8       | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn (từ ngày 14/04/2026 đổi tên thành Cty TNHH MTV Benovas Capsule) | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2021, thay đổi lần 13 ngày 14/04/2026 Nơi cấp: Sở Tài chính Vĩnh Long | Số 21B, Đường Phan Đình Phùng, Phường Tân Hạnh, Tỉnh Vĩnh Long                                  |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                        | 5.809.951.666                                                                             | Nhận lãi từ Hợp đồng hợp tác đầu tư         |
| 9       | Công ty Cổ phần TBYT Benovas                                                                           | Công ty con                                                     | 1501057104 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long                         | Số 68Đ Tổ 05, Ấp Thanh Mỹ 1, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                                   | 29/09/2023-29/09/2026                                                 |                                                                                                                                                                                                                        | 44.450.000.000                                                                            | Chi tiền Hợp đồng hợp tác đầu tư            |
| 10      | Công ty Cổ phần TBYT Benovas                                                                           | Công ty con                                                     | 1501057104 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long                         | Số 68Đ Tổ 05, Ấp Thanh Mỹ 1, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                                   | 29/09/2023-29/09/2026                                                 |                                                                                                                                                                                                                        | 3.134.950.686                                                                             | Nhận lãi từ Hợp đồng hợp tác đầu tư         |
| 11      | Công ty Cổ phần Thuốc Ung Thư Benovas                                                                  | Công ty con                                                     | 0107753133 cấp lần đầu ngày 08/03/2017 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội                            | Tầng 5- Tòa nhà HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương, Phường Thanh Xuân, Tp.Hà Nội, Việt Nam | 08/05/2026-08/05/2027                                                 |                                                                                                                                                                                                                        | 5.000.000.000                                                                             | Chi tiền Hợp đồng hợp tác đầu tư            |
| 12      | Công ty Cổ phần Thuốc Ung Thư Benovas                                                                  | Công ty con                                                     | 0107753133 cấp lần đầu ngày 08/03/2017 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội                            | Tầng 5- Tòa nhà HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương, Phường Thanh Xuân, Tp.Hà Nội, Việt Nam | 08/05/2026-08/05/2027                                                 |                                                                                                                                                                                                                        | 5.000.000.000                                                                             | Thu tiền Hợp đồng hợp tác đầu tư            |
| 13      | Công ty Cổ phần Thuốc Ung Thư Benovas                                                                  | Công ty con                                                     | 0107753133 cấp lần đầu ngày 08/03/2017 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội                            | Tầng 5- Tòa nhà HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương, Phường Thanh Xuân, Tp.Hà Nội, Việt Nam | 08/05/2026-08/05/2027                                                 |                                                                                                                                                                                                                        | 19.178.082                                                                                | Nhận lãi từ Hợp đồng hợp tác đầu tư         |
| 14      | Công ty Cổ phần TBYT Benovas                                                                           | Công ty con                                                     | 1501057104 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long                         | Số 68Đ Tổ 05, Ấp Thanh Mỹ 1, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                                   | 19/01/2026-31/12/2026                                                 |                                                                                                                                                                                                                        | 4.095.173.525                                                                             | Hợp đồng mua bán (DCL bán)                  |
| 15      | Công ty Cổ phần TBYT Benovas                                                                           | Công ty con                                                     | 1501057104 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long                         | Số 68Đ Tổ 05, Ấp Thanh Mỹ 1, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                                   | 01/01/2026-31/12/2026                                                 |                                                                                                                                                                                                                        | 28.537.857.148                                                                            | Hợp đồng kinh tế năm 2026 (DCL mua)         |
| 16      | Công ty Cổ phần FIT Cosmetics                                                                          | Cùng chung công ty mẹ                                           | 0104344157 ngày cấp 22/12/2009 nơi cấp Sở kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh                             | 276 Nguyễn Đình Chiểu- P Xuân Hoà- TP. HCM                                                      |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                        | 25.098.676                                                                                | Hóa đơn                                     |
| 17      | Công ty TNHH xuất nhập khẩu và thương mại F.I.T Việt Nam                                               | Công ty có liên quan với Công ty mẹ                             | 0106567335 Ngày cấp: 10/06/2014 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội                               | Tầng 5, Tòa Time Tower - HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương - P. Thanh Xuân - Hà Nội       | 01/01/2026 - 16/03/2027                                               |                                                                                                                                                                                                                        | 27.629.958.621                                                                            | Hợp đồng mua bán, phụ lục HĐ                |

11/5/2026  
Y/N  
AM  
G  
LON

Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Chức vụ tại CTNY | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát | Thời điểm giao dịch | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------|---------|
|-----|---------------------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------|---------|

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo: Không có

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không có

#### VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Theo Phụ lục 2,3 đính kèm theo Báo cáo.

| stt | Họ tên                                  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1   | (Tên người nội bộ)                      |                                          |                              |                                      |                 |                            |                               |         |
|     | Tên người có liên quan của người nội bộ |                                          |                              |                                      |                 |                            |                               |         |
| 2   |                                         |                                          |                              |                                      |                 |                            |                               |         |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Không có

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------|
|     |                           |                          | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                    |
| 1   |                           |                          |                           |       |                            |       |                                                    |

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: VT.



PHỤ LỤC 1/APPENDIX 1

(Đính kèm theo Báo cáo quản trị 6 tháng năm 2026 của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long)  
(Attached to the Report on Corporate Governance of Cửu Long Pharmaceutical Joint Stock Company - 6 months of 2026)

Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company

| STT/No. | Họ và tên/Full name            | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position at the Company (if any) | Số Giấy NSH*<br>No. * | Ngày cấp/ date of<br>ISSUE | Nơi cấp NSH/ place of<br>ISSUE | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/ Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan/Time of ending to be affiliated person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty/Relationship with the Company |
|---------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1       | Nguyễn Văn Sang                | 064C000780                                                                   | Chủ tịch HĐQT, NĐDPL                                          |                       |                            |                                |                                               | 14/06/2022                                                                        |                                                                                  |                  |                                                                 |
| 2       | Bùi Hồng Hạnh                  |                                                                              | Thành viên HĐQT                                               |                       |                            |                                |                                               | 14/06/2022                                                                        |                                                                                  |                  |                                                                 |
| 3       | Nguyễn Ngọc Mai                |                                                                              | Thành viên HĐQT                                               |                       |                            |                                |                                               | 25/04/2024                                                                        |                                                                                  |                  |                                                                 |
| 4       | Nguyễn Ninh Dũng               |                                                                              | Thành viên HĐQT                                               |                       |                            |                                |                                               | 14/06/2022                                                                        |                                                                                  |                  |                                                                 |
| 5       | Phạm Văn Ngọc                  |                                                                              | TV HĐQT độc lập                                               |                       |                            |                                |                                               | 25/04/2024                                                                        |                                                                                  |                  |                                                                 |
| 6       | Ngô Thu Trang                  |                                                                              | Trưởng BKS                                                    |                       |                            |                                |                                               | 25/04/2025                                                                        |                                                                                  |                  |                                                                 |
| 7       | Lê Thị Thương                  |                                                                              | Thành viên Ban kiểm soát                                      |                       |                            |                                |                                               | 25/04/2025                                                                        |                                                                                  |                  |                                                                 |
| 8       | Phạm Thị Huệ                   |                                                                              | Thành viên Ban kiểm soát                                      |                       |                            |                                |                                               | 14/06/2022                                                                        |                                                                                  |                  |                                                                 |
| 9       | Nguyễn Thị Thu Hương           |                                                                              | TGĐ, Người ĐDPL                                               |                       |                            |                                |                                               | 01/05/2025                                                                        |                                                                                  |                  |                                                                 |
| 10      | Nguyễn Trọng Đức               |                                                                              | Phó TGĐ SX&SC                                                 |                       |                            |                                |                                               | 06/09/2024                                                                        |                                                                                  |                  |                                                                 |
| 11      | SUBHASH KESAVAN NAIR           |                                                                              | Phó TGĐ                                                       |                       |                            |                                |                                               | 01/12/2025                                                                        |                                                                                  |                  |                                                                 |
| 12      | Phạm Chung Đình                |                                                                              | Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh PT Khối TT Dược phẩm             |                       |                            |                                |                                               | 04/05/2026                                                                        |                                                                                  | Bổ nhiệm mới     |                                                                 |
| 13      | Nguyễn Lâm Minh Thương         | 001C523800                                                                   | Giám đốc tài chính                                            |                       |                            |                                |                                               | 29/11/2024                                                                        |                                                                                  |                  |                                                                 |
| 14      | Bùi Thị Mỹ Đang                |                                                                              | Kế toán trưởng                                                |                       |                            |                                |                                               | 29/11/2024                                                                        |                                                                                  |                  |                                                                 |
| 15      | Nguyễn Ngọc Bích Ly            | 001C523795                                                                   | Người được UQ CBTT, người PT quản trị cty                     |                       |                            |                                |                                               | 14/05/2014                                                                        |                                                                                  |                  |                                                                 |
| 16      | Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T |                                                                              |                                                               |                       |                            |                                |                                               | 14/06/2022                                                                        |                                                                                  |                  | Công ty mẹ                                                      |

|    |                                                                                                                     |  |  |  |  |  |  |            |  |  |                                                                              |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|------------|--|--|------------------------------------------------------------------------------|
| 17 | Công ty TNHH MTV<br>Dược phẩm VPC - Sài<br>Gòn (từ 14/04/2026 đổi<br>tên thành Công ty TNHH<br>MTV Benovas Capsule) |  |  |  |  |  |  | 14/06/2022 |  |  | Công ty con cấp<br>I                                                         |
| 18 | Công Ty Cổ Phần Dược<br>phẩm Benovas                                                                                |  |  |  |  |  |  | 14/06/2022 |  |  | Công ty con cấp<br>I                                                         |
| 19 | Công ty Cổ phần Thiết bị<br>Y tế Benovas                                                                            |  |  |  |  |  |  | 14/06/2022 |  |  | Công ty con cấp<br>I                                                         |
| 20 | Công Ty Cổ Phần Thuốc<br>Ung Thư Benovas                                                                            |  |  |  |  |  |  | 14/06/2022 |  |  | Công ty con cấp<br>I                                                         |
| 21 | Công ty CP Vật tư Kỹ<br>Thuật Nông nghiệp Cần<br>Thơ                                                                |  |  |  |  |  |  | 14/06/2022 |  |  | Cùng chung<br>công ty mẹ                                                     |
| 22 | Công ty TNHH Xuất<br>nhập khẩu và Thương<br>mại F.I.T Việt Nam                                                      |  |  |  |  |  |  | 14/06/2022 |  |  | Cùng chung<br>công ty mẹ                                                     |
| 23 | Công ty Cổ phần Đầu tư<br>Bất động sản F.I.T                                                                        |  |  |  |  |  |  | 14/06/2022 |  |  | Cùng chung<br>công ty mẹ, công<br>ty có liên quan<br>TV HĐQT, TV<br>BKS      |
| 24 | Công ty Cổ phần Giống<br>cây trồng Nông Tín                                                                         |  |  |  |  |  |  | 14/06/2022 |  |  | Cùng chung<br>công ty mẹ                                                     |
| 25 | Công Ty Cổ Phần FIT<br>Consumer                                                                                     |  |  |  |  |  |  | 14/06/2022 |  |  | Cùng chung<br>công ty mẹ                                                     |
| 26 | Công ty Cổ phần Hạt<br>giống TSC                                                                                    |  |  |  |  |  |  | 14/06/2022 |  |  | Cùng chung<br>công ty mẹ                                                     |
| 27 | Công ty Cổ phần Nước<br>khoáng Khánh Hòa                                                                            |  |  |  |  |  |  | 14/06/2022 |  |  | Cùng chung<br>công ty mẹ, công<br>ty có liên quan<br>TV HĐQT                 |
| 28 | Công ty cổ phần Đầu tư<br>và Phát triển Bất động<br>sản Charlotte                                                   |  |  |  |  |  |  | 25/04/2024 |  |  | Cùng chung<br>công ty mẹ, công<br>ty có liên quan<br>TV BKS                  |
| 29 | Công ty cổ phần đầu tư<br>JJK Holdings                                                                              |  |  |  |  |  |  | 14/06/2022 |  |  | Công ty có liên<br>quan TV HĐQT                                              |
| 30 | Công ty cổ phần FIT<br>Cosmetics                                                                                    |  |  |  |  |  |  | 25/04/2024 |  |  | Công ty có liên<br>quan với<br>Công ty mẹ,<br>Công ty có liên<br>quan TV BKS |
| 31 | Công ty Cổ phần Chế<br>biến Thực phẩm Xuất<br>khẩu Miền Tây                                                         |  |  |  |  |  |  | 14/06/2022 |  |  | Cùng chung<br>công ty mẹ                                                     |
| 32 | Công ty Cổ phần<br>Westfood Hậu Giang                                                                               |  |  |  |  |  |  | 15/06/2022 |  |  | Cùng chung<br>công ty mẹ                                                     |

00  
ÔN  
Ồ PH  
C P  
LO  
H

|    |                                                                              |  |  |  |  |  |  |            |  |                                        |
|----|------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|------------|--|----------------------------------------|
| 33 | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thực phẩm Orifood                             |  |  |  |  |  |  |            |  | Cung chung công ty mẹ                  |
| 34 | Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Đô Cửu Long                                       |  |  |  |  |  |  |            |  | Công ty có liên quan với Công ty mẹ    |
| 35 | Công ty cổ phần Today Cosmetics                                              |  |  |  |  |  |  | 14/06/2022 |  | Công ty có liên quan với công ty mẹ    |
| 36 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Big One                                             |  |  |  |  |  |  | 25/04/2024 |  | Công ty có liên quan TV HĐQT           |
| 37 | Công ty Liên doanh sản xuất kinh doanh, XNK Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế |  |  |  |  |  |  |            |  | Công ty con cấp I                      |
| 38 | (Bà) Nguyễn Thị Trang                                                        |  |  |  |  |  |  |            |  | Người có liên quan của Thành viên HĐQT |



## PHỤ LỤC 2/APPENDIX 2

(Đính kèm theo Báo cáo quản trị 6 tháng năm 2026 của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long)

(Attached to the Report on Corporate Governance of Cuu Long Pharmaceutical Joint Stock Company - 6 months of 2026)

Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons

| Stt/No | Họ tên/Name                                                                                                             | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position at the company (if any) | Số Giấy NSH* No.* | Ngày cấp/ date of issue | Nơi cấp NSH/ place of issue | Địa chỉ liên hệ/Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/Percentage of share ownership at the end of the period | Ghi chú /Note          |
|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------|-----------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1      | Nguyễn Văn Sang                                                                                                         | 064C000780                                                                   | Chủ tịch HĐQT, NĐDPL                                          |                   |                         |                             |                         | 0                                                                          | 0                                                                                    |                        |
| 1.01   | Trần Thị Tiên                                                                                                           | 002C135460                                                                   |                                                               |                   |                         |                             |                         | 0                                                                          | 0                                                                                    | Mẹ                     |
| 1.02   | Nguyễn Văn Ba                                                                                                           |                                                                              |                                                               |                   |                         |                             |                         | 0                                                                          | 0                                                                                    | Em                     |
| 1.03   | Nguyễn Ngọc Bích                                                                                                        | 064C000823                                                                   |                                                               |                   |                         |                             |                         | 0                                                                          | 0                                                                                    | Em                     |
| 1.04   | Ninh Thanh Xuân                                                                                                         |                                                                              |                                                               |                   |                         |                             |                         | 0                                                                          | 0                                                                                    | Vợ                     |
| 1.05   | Nguyễn Ninh Dũng                                                                                                        |                                                                              |                                                               |                   |                         |                             |                         | 0                                                                          | 0                                                                                    | Con trai               |
| 1.06   | Nguyễn Ngọc Mai                                                                                                         |                                                                              |                                                               |                   |                         |                             |                         | 0                                                                          | 0                                                                                    | Con gái                |
| 1.07   | Nguyễn Thị Trang                                                                                                        |                                                                              |                                                               |                   |                         |                             |                         | 0                                                                          | 0                                                                                    | Em dâu                 |
| 1.08   | Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T                                                                                          |                                                                              |                                                               |                   |                         |                             |                         | 42.402.616                                                                 | 58,05%                                                                               | Chủ tịch HĐQT          |
| 1.09   | Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa                                                                                   |                                                                              |                                                               |                   |                         |                             |                         | 0                                                                          | 0                                                                                    | Chủ tịch HĐQT          |
| 1.10   | Công ty cổ phần đầu tư JJK Holdings                                                                                     |                                                                              |                                                               |                   |                         |                             |                         | 0                                                                          | 0                                                                                    | Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ |
| 1.11   | Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm VPC - Sài Gòn (từ ngày 14/04/2026 đổi tên thành Công ty TNHH MTV Benovas Capsule) |                                                                              |                                                               |                   |                         |                             |                         | 0                                                                          | 0                                                                                    | Chủ tịch công ty       |
| 1.12   | Công Ty Cổ Phần Dược phẩm Benovas                                                                                       |                                                                              |                                                               |                   |                         |                             |                         | 0                                                                          | 0                                                                                    | Chủ tịch HĐQT, NĐDPL   |

|      |                                                      |  |                    |  |  |  |  |            |        |                                                            |
|------|------------------------------------------------------|--|--------------------|--|--|--|--|------------|--------|------------------------------------------------------------|
| 2    | Bùi Hồng Hạnh                                        |  | Thành viên<br>HDQT |  |  |  |  | 0          | 0      |                                                            |
| 2.01 | Bùi Văn Phúc                                         |  |                    |  |  |  |  | 0          | 0      | Bố                                                         |
| 2.02 | Nguyễn Thị Kim Nhung                                 |  |                    |  |  |  |  | 0          | 0      | Mẹ                                                         |
| 2.03 | Bùi Đức Nghĩa                                        |  |                    |  |  |  |  | 0          | 0      | Em trai                                                    |
| 2.04 | Trương Thủy Quỳnh                                    |  |                    |  |  |  |  | 0          | 0      | Em dâu                                                     |
| 2.05 | Công ty CP Vật tư Kỹ<br>Thuật Nông nghiệp Cần<br>Thơ |  |                    |  |  |  |  | 0          | 0      | Người được UQ<br>CBTT và Người<br>phụ trách quản           |
| 2.06 | Công ty Cổ phần Đầu tư<br>Bất động sản F.I.T         |  |                    |  |  |  |  | 0          | 0      | Thành viên<br>HDQT                                         |
| 2.07 | Công ty Cổ phần Thiết bị<br>Y tế Benovas             |  |                    |  |  |  |  | 0          | 0      | Chủ tịch HDQT                                              |
| 2.08 | Công ty Cổ phần Tập<br>đoàn F.I.T                    |  |                    |  |  |  |  | 42.402.616 | 58,05% | Người được UQ<br>CBTT và Người<br>phụ trách quản<br>trị CT |
| 2.09 | Công Ty Cổ Phần Thuốc<br>Ung Thư Benovas             |  |                    |  |  |  |  | 0          | 0      | Thành viên<br>HDQT                                         |
| 3    | Nguyễn Ngọc Mai                                      |  | Thành viên<br>HDQT |  |  |  |  | 0          | 0      |                                                            |
| 3.01 | Nguyễn Văn Sang                                      |  |                    |  |  |  |  | 0          | 0      | Bố                                                         |
| 3.02 | Ninh Thanh Xuân                                      |  |                    |  |  |  |  | 0          | 0      | Mẹ                                                         |
| 3.03 | Nguyễn Ninh Dũng                                     |  |                    |  |  |  |  | 0          | 0      | Anh                                                        |
| 3.04 | Công Ty Cổ Phần Nước<br>Khoáng Khánh Hòa             |  |                    |  |  |  |  | 0          | 0      | TV HDQT                                                    |
| 3.05 | Công ty Cổ phần Tập<br>đoàn F.I.T                    |  |                    |  |  |  |  | 42.402.616 | 58,05% | TV HDQT                                                    |
| 4    | Nguyễn Ninh Dũng                                     |  | Thành viên<br>HDQT |  |  |  |  | 0          | 0      |                                                            |
| 4.01 | Nguyễn Văn Sang                                      |  |                    |  |  |  |  | 0          | 0      | Bố                                                         |
| 4.02 | Ninh Thanh Xuân                                      |  |                    |  |  |  |  | 0          | 0      | Mẹ                                                         |
| 4.03 | Nguyễn Ngọc Mai                                      |  |                    |  |  |  |  | 0          | 0      | Em gái                                                     |
| 4.04 | Công Ty Cổ Phần Nước<br>Khoáng Khánh Hòa             |  |                    |  |  |  |  | 0          | 0      | TV HDQT                                                    |

|      |                                                             |  |                        |  |  |  |  |            |        |                    |
|------|-------------------------------------------------------------|--|------------------------|--|--|--|--|------------|--------|--------------------|
| 4.05 | Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T                              |  |                        |  |  |  |  | 42.402.616 | 58,05% | TV HĐQT            |
| 4.06 | Công ty cổ phần đầu tư JJK Holdings                         |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | TV HĐQT            |
| 5    | <b>Phạm Văn Ngọc</b>                                        |  | <b>TV HĐQT độc lập</b> |  |  |  |  | 0          | 0      |                    |
| 5.01 | Phạm Văn Nghiễm                                             |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Bố đẻ              |
| 5.02 | Đỗ Thị Chát                                                 |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Mẹ đẻ              |
| 5.03 | Phạm Văn Lâm                                                |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Anh trai           |
| 5.04 | Phạm Văn Thanh                                              |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Anh trai           |
| 5.05 | Phạm Thị Tâm                                                |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Chị gái            |
| 5.06 | Phạm Văn Thạch                                              |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Em trai            |
| 5.07 | Nguyễn Thị Ngoan                                            |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Vợ                 |
| 5.08 | Phạm Ngọc Khánh                                             |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Con                |
| 5.09 | Phạm Khánh Hà                                               |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Con                |
| 5.10 | Nguyễn Văn Lan                                              |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Bố vợ              |
| 5.11 | Nguyễn Thị Thát                                             |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Mẹ vợ              |
| 5.12 | Nguyễn Văn Hải                                              |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Anh rể             |
| 5.13 | Nguyễn Thị Phương                                           |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Chị vợ             |
| 5.14 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Big One                            |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Phó Tổng Giám đốc  |
| 6    | <b>Ngô Thu Trang</b>                                        |  | <b>Trưởng BKS</b>      |  |  |  |  | 1000       | 0      |                    |
| 6.01 | Ngô Văn Sơn                                                 |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Bố                 |
| 6.02 | Tiêu Thị Lanh                                               |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Mẹ                 |
| 6.03 | Ngô Xuân Thái                                               |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Em ruột            |
| 6.04 | Khuong Thị Hà                                               |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Em dâu             |
| 6.05 | Công ty cổ phần FIT Cosmetics                               |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Giám đốc tài chính |
| 6.06 | Công ty cổ phần Đầu Tư Bất động sản F.I.T                   |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | Trưởng BKS         |
| 6.07 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte |  |                        |  |  |  |  | 0          | 0      | TV BKS             |

[illegible]

|      |                                                             |  |                                  |  |  |  |   |   |           |
|------|-------------------------------------------------------------|--|----------------------------------|--|--|--|---|---|-----------|
| 8.02 | Hoàng Thị Hiền                                              |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ        |
| 8.03 | Nguyễn Trọng Đại                                            |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | Chồng     |
| 8.04 | Phạm Thị Huyền                                              |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | Chị gái   |
| 8.05 | Phạm Xuân Trường                                            |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | Anh trai  |
| 8.06 | Nguyễn Văn Luật                                             |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | Bố chồng  |
| 8.07 | Nguyễn Thị Khuy                                             |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ chồng  |
| 8.08 | Nguyễn Thị Hương                                            |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | Chị chồng |
| 8.09 | Công Ty Cổ Phần FIT Consumer                                |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | TV BKS    |
| 8.10 | Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Benovas                           |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | TV BKS    |
| 8.11 | Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | TV HĐQT   |
| 9    | Nguyễn Thị Thu Hương                                        |  | <b>Tổng Giám đốc, người ĐDPL</b> |  |  |  | 0 | 0 |           |
| 9.01 | Nguyễn Tuấn Hợp                                             |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | Bố ruột   |
| 9.02 | Đỗ Thị Hào                                                  |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ ruột   |
| 9.03 | Vũ Tú Nam                                                   |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | Chồng     |
| 9.04 | Vũ Xuân Huy Hoàng                                           |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | Con đẻ    |
| 9.05 | Vũ Xuân Huy Khánh                                           |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | Con đẻ    |
| 9.06 | Nguyễn Thị Hoa                                              |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | Chị ruột  |
| 9.07 | Nguyễn Tuấn Dương                                           |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | Em ruột   |
| 9.08 | Nguyễn Nhật Anh                                             |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | Em dâu    |
| 9.09 | Vũ Văn Hải                                                  |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | Bố chồng  |
| 9.10 | Nguyễn Thị Mai                                              |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ chồng  |
| 9.11 | Vũ Duy Tiến                                                 |  |                                  |  |  |  | 0 | 0 | Em chồng  |

|       |                                       |            |                                                   |  |  |  |   |   |                 |
|-------|---------------------------------------|------------|---------------------------------------------------|--|--|--|---|---|-----------------|
| 9.13  | Công Ty Cổ Phần Dược phẩm Benovas     |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | TGD, người ĐDPL |
| 9.14  | Công Ty Cổ Phần Thuốc Ung Thư Benovas |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | TGD, người ĐDPL |
| 10    | Nguyễn Trọng Đức                      |            | Phó TGD SX&SC                                     |  |  |  | 0 | 0 |                 |
| 10.01 | Nguyễn Hồng Trường                    |            |                                                   |  |  |  |   |   | Bố (mất)        |
| 10.02 | Đặng Thị Diệu                         |            |                                                   |  |  |  |   |   | Mẹ (mất)        |
| 10.03 | Nguyễn Trọng Ân                       |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | Anh trai        |
| 10.04 | Nguyễn Thị Thanh Bình                 |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | Chị gái         |
| 10.05 | Nguyễn Thị Thanh Lan                  |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | Em gái          |
| 10.06 | Nguyễn Thị Thanh Vân                  |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | Vợ              |
| 10.07 | Nguyễn Trọng Hiếu                     |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | Con trai        |
| 10.08 | Nguyễn Phương Thảo                    |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | Con gái         |
| 10.09 | Phạm Thị Quang                        |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ vợ           |
| 10.10 | Nguyễn Văn Tuấn                       |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | Anh rể          |
| 10.11 | Công ty Cổ phần TBYT Benovas          |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | PTGD            |
| 10.12 | Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas     |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | PTGD            |
| 11    | SUBHASH KESAVAN NAIR                  |            | Phó TGD                                           |  |  |  | 0 | 0 |                 |
| 11.01 | KAVITHA SUBHASH NAIR                  |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | Vợ              |
| 11.01 | ISHITA SUBHASH NAIR                   |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | Con             |
| 12    | Phạm Chung Đình                       | 009C457979 | Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh PT Khối TT Dược phẩm |  |  |  | 0 | 0 |                 |
| 12.01 | Phạm Văn Thùng                        |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | Cha ruột        |
| 12.02 | Hồ Thị Minh Nguyệt                    |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ ruột         |
| 12.03 | Phạm Quốc Minh                        |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | Em ruột         |
| 12.04 | Phạm Long Hải                         |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | Em ruột         |
| 12.05 | Âu Thị Bích Liễu                      |            |                                                   |  |  |  | 0 | 0 | Em dâu          |

|       |                                       |            |                           |  |  |  |   |   |                    |
|-------|---------------------------------------|------------|---------------------------|--|--|--|---|---|--------------------|
| 12.06 | Trần Thị Thu Hà                       |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Em dâu             |
| 12.07 | Trần Thị Bích Duyên                   |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ vợ              |
| 12.08 | Nguyễn Thành Bích Đào                 |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Vợ                 |
| 12.09 | Phạm Nguyễn Nhã Uyên                  |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Con ruột           |
| 12.10 | Phạm Nguyễn Thái Uyên                 |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Con ruột           |
| 13    | <b>Nguyễn Lâm Minh Thương</b>         | 001C523800 | <b>Giám đốc tài chính</b> |  |  |  | 0 | 0 |                    |
| 13.01 | Nguyễn Duy Dương                      |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Ba ruột            |
| 13.02 | Lâm Ngọc Lý                           |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ ruột            |
| 13.03 | Ngô Thành Thía                        |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Chồng              |
| 13.04 | Ngô Minh Thy                          |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Con đẻ             |
| 13.05 | Ngô Thy Vân                           |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Con đẻ             |
| 13.06 | Nguyễn Lâm Minh Phương                |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Chị ruột           |
| 13.07 | Nguyễn Lâm Minh Xuân                  |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Chị ruột           |
| 13.08 | Nguyễn Lâm Duy Linh                   |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Em ruột            |
| 13.09 | Trần Thanh Dũng                       |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Anh rể             |
| 13.10 | Trần Tấn Phúc                         |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Anh rể             |
| 13.11 | Công ty cổ phần Thiết bị y tế Benovas |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Giám đốc tài chính |
| 13.12 | Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas     |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Giám đốc tài chính |
| 14    | <b>Bùi Thị Mỹ Đang</b>                |            | <b>Kế toán trưởng</b>     |  |  |  | 0 | 0 |                    |
| 14.01 | Bùi Văn Ứng                           |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Bố (đã mất)        |
| 14.02 | Nguyễn Thị Ngọc Dung                  |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ đẻ              |
| 14.03 | Phạm Thanh Tùng                       |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Bố chồng           |
| 14.04 | Nguyễn Thị Thủy                       |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ chồng           |
| 14.05 | Phạm Văn Nin                          |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Chồng              |
| 14.06 | Phạm Ngọc Khánh My                    |            |                           |  |  |  | 0 | 0 | Con đẻ             |

|       |                      |            |                                                |  |  |  |  |   |   |           |
|-------|----------------------|------------|------------------------------------------------|--|--|--|--|---|---|-----------|
| 14.07 | Phạm Ngọc Khả My     |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Con đẻ    |
| 14.08 | Bùi Văn Hai          |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Anh ruột  |
| 14.09 | Bùi Thị Oanh         |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Chị ruột  |
| 14.10 | Bùi Thị Tuyết Loan   |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Chị ruột  |
| 14.11 | Bùi Hồng Hiếu        |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Anh ruột  |
| 14.12 | Bùi Thanh Dạm        |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Anh ruột  |
| 14.13 | Bùi Thanh Đam        |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Anh ruột  |
| 14.14 | Nguyễn Thị Thùy Linh |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Chị dâu   |
| 14.15 | Nguyễn Phương Khanh  |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Anh rể    |
| 14.16 | Đỗ Trí Tuấn          |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Anh rể    |
| 14.17 | Nguyễn Thị Thu Thủy  |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Chị dâu   |
| 14.18 | Lê Thị Thanh Diễm    |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Chị dâu   |
| 14.19 | Bùi Minh Loan        |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Chị dâu   |
| 15    | Nguyễn Ngọc Bích Ly  | 001C523795 | Người được UQ<br>CBTT, người PT<br>quản trị ty |  |  |  |  | 0 | 0 |           |
| 15.01 | Nguyễn Ngọc Sang     |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Cha (mất) |
| 15.02 | Nguyễn Thị Miêu      |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ        |
| 15.03 | Nguyễn Văn Tịnh      |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Cha chồng |
| 15.04 | Phan Thị Ngọc Thương |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ chồng  |
| 15.05 | Nguyễn Tiến Luật     |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Anh       |
| 15.06 | Trần Thị Thu Cúc     |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Chị dâu   |
| 15.07 | Nguyễn Nhã Yến       |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Con       |
| 15.08 | Nguyễn Thanh Phong   |            |                                                |  |  |  |  | 0 | 0 | Chồng     |

PHỤ LỤC 3

(Đính kèm theo Báo cáo quản trị 6 tháng năm 2026 của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long)

(Attached to the Report on Corporate Governance of Cửu Long Pharmaceutical Joint Stock Company - 6 months of 2026)

Danh sách người nội bộ và người liên quan (cá nhân, tổ chức) đến người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons (individual, organization)

| Stt /No. | Mã chứng khoán/Track code | Họ tên/Name                                                                                                             | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty/Position at the company | Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relation ship with internal person | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD/Type of ( ID card, Passport, Business Registration Certificate) | Số Giấy NSH* No.* | Ngày cấp NSH/ date of issue | Nơi cấp /place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/Percentage of share ownership at the end of the period | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/Time of starting to be affiliated person of company/Internal person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ/Time of ending to be affiliated person of company/Internal person | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)/Reason (when changes regarding items 13 and 14 ) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)/Note |
|----------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------|-------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1        | 2                         | 3                                                                                                                       | 4                                                                            | 5                                           | 6                                                                   | 7                                                                                                        | 8                 | 9                           | 10                      | 11                                           | 12                                                                         | 13                                                                                   | 14                                                                                                                                    | 15                                                                                                                                    | 16                                                                                                         | 17                                                              |
| 1        | DCL                       | Nguyễn Văn Sang                                                                                                         | 064C000780                                                                   | Chủ tịch HĐQT, NDDPL                        |                                                                     | CCCD                                                                                                     |                   |                             |                         |                                              | 0                                                                          | 0                                                                                    | 14/06/2022                                                                                                                            |                                                                                                                                       |                                                                                                            |                                                                 |
| 1.01     | DCL                       | Trần Thị Tiên                                                                                                           | 002C135460                                                                   |                                             | Me                                                                  | CCCD                                                                                                     |                   |                             |                         |                                              | 0                                                                          | 0                                                                                    | 14/06/2022                                                                                                                            |                                                                                                                                       |                                                                                                            |                                                                 |
| 1.02     | DCL                       | Nguyễn Văn Ba                                                                                                           |                                                                              |                                             | Em                                                                  | CCCD                                                                                                     |                   |                             |                         |                                              | 0                                                                          | 0                                                                                    | 14/06/2022                                                                                                                            |                                                                                                                                       |                                                                                                            |                                                                 |
| 1.03     | DCL                       | Nguyễn Ngọc Bích                                                                                                        | 064C000823                                                                   |                                             | Em                                                                  | CCCD                                                                                                     |                   |                             |                         |                                              | 0                                                                          | 0                                                                                    | 14/06/2022                                                                                                                            |                                                                                                                                       |                                                                                                            |                                                                 |
| 1.04     | DCL                       | Ninh Thanh Xuân                                                                                                         |                                                                              |                                             | Vợ                                                                  | CCCD                                                                                                     |                   |                             |                         |                                              | 0                                                                          | 0                                                                                    | 14/06/2022                                                                                                                            |                                                                                                                                       |                                                                                                            |                                                                 |
| 1.05     | DCL                       | Nguyễn Ninh Dũng                                                                                                        |                                                                              |                                             | Con trai                                                            | CCCD                                                                                                     |                   |                             |                         |                                              | 0                                                                          | 0                                                                                    | 14/06/2022                                                                                                                            |                                                                                                                                       |                                                                                                            |                                                                 |
| 1.06     | DCL                       | Nguyễn Ngọc Mai                                                                                                         |                                                                              |                                             | Con gái                                                             | CCCD                                                                                                     |                   |                             |                         |                                              | 0                                                                          | 0                                                                                    | 14/06/2022                                                                                                                            |                                                                                                                                       |                                                                                                            |                                                                 |
| 1.07     | DCL                       | Nguyễn Thị Trang                                                                                                        |                                                                              |                                             | Em dâu                                                              | CCCD                                                                                                     |                   |                             |                         |                                              | 0                                                                          | 0                                                                                    | 14/06/2022                                                                                                                            |                                                                                                                                       |                                                                                                            |                                                                 |
| 1.08     | DCL                       | Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T                                                                                          |                                                                              |                                             | Chủ tịch HĐQT                                                       | ĐKKD                                                                                                     |                   |                             |                         |                                              | 42.402.616                                                                 | 58,05%                                                                               | 14/06/2022                                                                                                                            |                                                                                                                                       |                                                                                                            |                                                                 |
| 1.09     | DCL                       | Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa                                                                                   |                                                                              |                                             | Chủ tịch HĐQT                                                       | ĐKKD                                                                                                     |                   |                             |                         |                                              | 0                                                                          | 0                                                                                    | 14/06/2022                                                                                                                            |                                                                                                                                       |                                                                                                            |                                                                 |
| 1.10     | DCL                       | Công ty cổ phần đầu tư JJK Holdings                                                                                     |                                                                              |                                             | Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ                                              | ĐKKD                                                                                                     |                   |                             |                         |                                              | 0                                                                          | 0                                                                                    | 14/06/2022                                                                                                                            |                                                                                                                                       |                                                                                                            |                                                                 |
| 1.11     | DCL                       | Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm VPC - Sài Gòn (từ ngày 14/04/2026 đổi tên thành Công ty TNHH MTV Benovas Capsule) |                                                                              |                                             | Chủ tịch công ty                                                    | ĐKKD                                                                                                     |                   |                             |                         |                                              | 0                                                                          | 0                                                                                    | 14/06/2022                                                                                                                            |                                                                                                                                       |                                                                                                            |                                                                 |
| 1.12     | DCL                       | Công Ty Cổ Phần Dược phẩm Benovas                                                                                       |                                                                              |                                             | Chủ tịch HĐQT, NDDPL                                                | ĐKKD                                                                                                     |                   |                             |                         |                                              | 0                                                                          | 0                                                                                    | 14/06/2022                                                                                                                            |                                                                                                                                       |                                                                                                            |                                                                 |
| 2        | DCL                       | Bùi Hồng Hạnh                                                                                                           |                                                                              | Thành viên HĐQT                             |                                                                     | CCCD                                                                                                     |                   |                             |                         |                                              | 0                                                                          | 0                                                                                    | 14/06/2022                                                                                                                            |                                                                                                                                       |                                                                                                            |                                                                 |
| 2.01     | DCL                       | Bùi Văn Phúc                                                                                                            |                                                                              |                                             | Bố                                                                  | CMND                                                                                                     |                   |                             |                         |                                              | 0                                                                          | 0                                                                                    | 14/06/2022                                                                                                                            |                                                                                                                                       |                                                                                                            |                                                                 |
| 2.02     | DCL                       | Nguyễn Thị Kim Nhung                                                                                                    |                                                                              |                                             | Me                                                                  | CMND                                                                                                     |                   |                             |                         |                                              | 0                                                                          | 0,00%                                                                                | 14/06/2022                                                                                                                            |                                                                                                                                       |                                                                                                            |                                                                 |

|      |     |                                                |  |                 |                                                   |      |  |  |  |            |        |            |  |  |  |
|------|-----|------------------------------------------------|--|-----------------|---------------------------------------------------|------|--|--|--|------------|--------|------------|--|--|--|
| 2.03 | DCL | Bùi Đức Nghĩa                                  |  |                 | Em trai                                           | CCCD |  |  |  | 0          | 0      | 14/06/2022 |  |  |  |
| 2.04 | DCL | Trương Thủy Quỳnh                              |  |                 | Em dâu                                            | CCCD |  |  |  | 0          | 0      | 14/06/2022 |  |  |  |
| 2.05 | DCL | Công ty CP Vật tư Kỹ Thuật Nông nghiệp Cần Thơ |  |                 | Người được UQ CBTT và Người phụ trách quản trị CT | ĐKKD |  |  |  | 0          | 0      | 14/06/2022 |  |  |  |
| 2.06 | DCL | Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T      |  |                 | Thành viên HĐQT                                   | ĐKKD |  |  |  | 0          | 0      | 14/06/2022 |  |  |  |
| 2.07 | DCL | Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas          |  |                 | Thành viên HĐQT                                   | ĐKKD |  |  |  | 0          | 0      | 14/06/2022 |  |  |  |
| 2.08 | DCL | Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T                 |  |                 | Người được UQ CBTT và Người phụ trách quản trị CT | ĐKKD |  |  |  | 42.402.616 | 58,05% | 14/06/2022 |  |  |  |
| 2.09 | DCL | Công Ty Cổ Phần Thuốc Ung Thư Benovas          |  |                 | Thành viên HĐQT                                   | ĐKKD |  |  |  | 0          | 0      | 14/06/2022 |  |  |  |
| 3    | DCL | Nguyễn Ngọc Mai                                |  | Thành viên HĐQT |                                                   | CCCD |  |  |  | 0          | 0      | 25/04/2024 |  |  |  |
| 3.01 | DCL | Nguyễn Văn Sang                                |  |                 | Bố                                                | CCCD |  |  |  | 0          | 0      | 25/04/2024 |  |  |  |
| 3.02 | DCL | Ninh Thanh Xuân                                |  |                 | Me                                                | CCCD |  |  |  | 0          | 0      | 25/04/2024 |  |  |  |
| 3.03 | DCL | Nguyễn Ninh Dũng                               |  |                 | Anh                                               | CCCD |  |  |  | 0          | 0      | 25/04/2024 |  |  |  |
| 3.04 | DCL | Công Ty Cổ Phần Nước Khoáng Khánh Hòa          |  |                 | TV HĐQT                                           | ĐKKD |  |  |  | 0          | 0      | 25/04/2024 |  |  |  |
| 3.05 | DCL | Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T                 |  |                 | TV HĐQT                                           | ĐKKD |  |  |  | 42.402.616 | 58,05% | 25/04/2024 |  |  |  |
| 4    | DCL | Nguyễn Ninh Dũng                               |  | Thành viên HĐQT |                                                   | CCCD |  |  |  | 0          | 0      | 14/06/2022 |  |  |  |
| 4.01 | DCL | Nguyễn Văn Sang                                |  |                 | Bố                                                | CCCD |  |  |  | 0          | 0      | 14/06/2022 |  |  |  |
| 4.02 | DCL | Ninh Thanh Xuân                                |  |                 | Me                                                | CCCD |  |  |  | 0          | 0      | 14/06/2022 |  |  |  |
| 4.03 | DCL | Nguyễn Ngọc Mai                                |  |                 | Em gái                                            | CCCD |  |  |  | 0          | 0      | 14/06/2022 |  |  |  |
| 4.04 | DCL | Công Ty Cổ Phần Nước Khoáng Khánh Hòa          |  |                 | TV HĐQT                                           | ĐKKD |  |  |  | 0          | 0      | 14/06/2022 |  |  |  |
| 4.05 | DCL | Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T                 |  |                 | TV HĐQT                                           | ĐKKD |  |  |  | 42.402.616 | 58,05% | 14/06/2022 |  |  |  |
| 4.06 | DCL | Công ty cổ phần đầu tư JJK Holdings            |  |                 | TV HĐQT                                           | ĐKKD |  |  |  | 0          | 0      | 14/06/2022 |  |  |  |
| 5    | DCL | Phạm Văn Ngọc                                  |  | TV HĐQT độc lập |                                                   | CCCD |  |  |  | 0          | 0      | 25/04/2024 |  |  |  |
| 5.01 | DCL | Phạm Văn Nghiễm                                |  |                 | Bố đẻ                                             |      |  |  |  | 0          | 0      | 25/04/2024 |  |  |  |
| 5.02 | DCL | Đỗ Thị Chắt                                    |  |                 | Me đẻ                                             |      |  |  |  | 0          | 0      | 25/04/2024 |  |  |  |



|      |     |                                                             |  |                          |                   |      |  |  |  |  |      |   |            |  |  |  |
|------|-----|-------------------------------------------------------------|--|--------------------------|-------------------|------|--|--|--|--|------|---|------------|--|--|--|
| 5.03 | DCL | Phạm Văn Lâm                                                |  |                          | Anh trai          | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2024 |  |  |  |
| 5.04 | DCL | Phạm Văn Thanh                                              |  |                          | Anh trai          | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2024 |  |  |  |
| 5.05 | DCL | Phạm Thị Tâm                                                |  |                          | Chị gái           | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2024 |  |  |  |
| 5.06 | DCL | Phạm Văn Thạch                                              |  |                          | Em trai           | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2024 |  |  |  |
| 5.07 | DCL | Nguyễn Thị Ngoan                                            |  |                          | Vợ                | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2024 |  |  |  |
| 5.08 | DCL | Phạm Ngọc Khánh                                             |  |                          | Con               | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2024 |  |  |  |
| 5.09 | DCL | Phạm Khánh Hà                                               |  |                          | Con               | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2024 |  |  |  |
| 5.10 | DCL | Nguyễn Văn Lan                                              |  |                          | Bố vợ             |      |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2024 |  |  |  |
| 5.11 | DCL | Nguyễn Thị Thất                                             |  |                          | Me vợ             |      |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2024 |  |  |  |
| 5.12 | DCL | Nguyễn Văn Hải                                              |  |                          | Anh rể            | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2024 |  |  |  |
| 5.13 | DCL | Nguyễn Thị Phương                                           |  |                          | Chị vợ            |      |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2024 |  |  |  |
| 5.14 | DCL | Công ty Cổ phần Tập đoàn Big One                            |  |                          | Phó Tổng Giám đốc | ĐKKD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2024 |  |  |  |
| 6    | DCL | Ngô Thu Trang                                               |  | Trưởng BKS               |                   | CCCD |  |  |  |  | 1000 | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 6.01 | DCL | Ngô Văn Sơn                                                 |  |                          | Bố                | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 6.02 | DCL | Tiêu Thị Lanh                                               |  |                          | Me                | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 6.03 | DCL | Ngô Xuân Thái                                               |  |                          | Em ruột           | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 6.04 | DCL | Khuong Thị Hà                                               |  |                          | Em dâu            | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 6.05 | DCL | Công ty cổ phần FIT Cosmetics                               |  |                          | Tổng Giám đốc     | ĐKKD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 6.06 | DCL | Công ty cổ phần Đầu Tư Bất động sản F.I.T                   |  |                          | Trưởng BKS        | ĐKKD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 6.07 | DCL | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte |  |                          | TV BKS            | ĐKKD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 7    | DCL | Lê Thị Thương                                               |  | Thành viên Ban kiểm soát |                   | CCCD |  |  |  |  | 1027 | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 7.01 | DCL | Lê Văn Quý                                                  |  |                          | Bố                | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 7.02 | DCL | Lê Thị Huyền                                                |  |                          | Chị               | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 7.03 | DCL | Lê Thị Trang                                                |  |                          | Chị               | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 7.04 | DCL | Lê Văn Quỳnh                                                |  |                          | Anh               | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 7.05 | DCL | Vũ Đức Mạnh                                                 |  |                          | Anh rể            | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 7.06 | DCL | Lê Văn Hưng                                                 |  |                          | Anh rể            | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 7.07 | DCL | Viên Thị Thủy                                               |  |                          | Chị dâu           | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 7.08 | DCL | Lương Văn Dương                                             |  |                          | Chồng             | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 7.09 | DCL | Lương Trắc Kinh                                             |  |                          | Bố chồng          | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 7.10 | DCL | Lương Thị Lịch                                              |  |                          | Me chồng          | CCCD |  |  |  |  | 0    | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |

|      |     |                                                             |  |                          |                |      |  |  |  |   |   |            |  |  |  |
|------|-----|-------------------------------------------------------------|--|--------------------------|----------------|------|--|--|--|---|---|------------|--|--|--|
| 7.11 | DCL | Lương Trắc Bình                                             |  |                          | Anh chồng      | CCCD |  |  |  | 0 | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 7.12 | DCL | Lương Thị Hiền                                              |  |                          | Chi chồng      | CCCD |  |  |  | 0 | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 7.13 | DCL | Công ty Cổ phần FIT Consumer                                |  |                          | Kế toán trưởng | ĐKKD |  |  |  | 0 | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 7.14 | DCL | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte |  |                          | Tổng Giám đốc  | ĐKKD |  |  |  | 0 | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 7.15 | DCL | Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Tín                    |  |                          | Kế toán trưởng | ĐKKD |  |  |  | 0 | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 7.16 | DCL | Công ty Cổ phần Hạt giống TSC                               |  |                          | Kế toán trưởng | ĐKKD |  |  |  | 0 | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 7.17 | DCL | Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ         |  |                          | Kế toán trưởng | ĐKKD |  |  |  | 0 | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 7.18 | DCL | Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas                       |  |                          | TV BKS         | ĐKKD |  |  |  | 0 | 0 | 25/04/2025 |  |  |  |
| 8    | DCL | Phạm Thị Huế                                                |  | Thành viên Ban kiểm soát |                | CCCD |  |  |  | 0 | 0 | 14/06/2022 |  |  |  |
| 8.01 | DCL | Phạm Văn Định                                               |  |                          | Bố             | CCCD |  |  |  | 0 | 0 | 14/06/2022 |  |  |  |
| 8.02 | DCL | Hoàng Thị Hiền                                              |  |                          | Mẹ             | CCCD |  |  |  | 0 | 0 | 14/06/2022 |  |  |  |
| 8.03 | DCL | Nguyễn Trọng Đại                                            |  |                          | Chồng          | CCCD |  |  |  | 0 | 0 | 14/06/2022 |  |  |  |
| 8.04 | DCL | Phạm Thị Huyền                                              |  |                          | Chị gái        | CCCD |  |  |  | 0 | 0 | 14/06/2022 |  |  |  |
| 8.05 | DCL | Phạm Xuân Trường                                            |  |                          | Anh trai       | CCCD |  |  |  | 0 | 0 | 14/06/2022 |  |  |  |
| 8.06 | DCL | Nguyễn Văn Luật                                             |  |                          | Bố chồng       | CCCD |  |  |  | 0 | 0 | 14/06/2022 |  |  |  |
| 8.07 | DCL | Nguyễn Thị Khuy                                             |  |                          | Mẹ chồng       | CCCD |  |  |  | 0 | 0 | 14/06/2022 |  |  |  |
| 8.08 | DCL | Nguyễn Thị Hương                                            |  |                          | Chị chồng      | CCCD |  |  |  | 0 | 0 | 14/06/2022 |  |  |  |
| 8.09 | DCL | Công Ty Cổ Phần FIT Consumer                                |  |                          | TV BKS         | ĐKKD |  |  |  | 0 | 0 | 14/06/2022 |  |  |  |
| 8.10 | DCL | Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Benovas                           |  |                          | TV BKS         | ĐKKD |  |  |  | 0 | 0 | 14/06/2022 |  |  |  |
| 8.11 | DCL | Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte |  |                          | TV HĐQT        | ĐKKD |  |  |  | 0 | 0 | 14/06/2022 |  |  |  |
| 9    | DCL | Nguyễn Thị Thu Hương                                        |  | TGD, người DDPL          |                | CCCD |  |  |  | 0 | 0 | 01/05/2025 |  |  |  |
| 9.01 | DCL | Nguyễn Tuấn Hợp                                             |  |                          | Bố ruột        | CCCD |  |  |  | 0 | 0 | 01/05/2025 |  |  |  |
| 9.02 | DCL | Đỗ Thị Hào                                                  |  |                          | Mẹ ruột        | CCCD |  |  |  | 0 | 0 | 01/05/2025 |  |  |  |
| 9.03 | DCL | Vũ Tú Nam                                                   |  |                          | Chồng          | CCCD |  |  |  | 0 | 0 | 01/05/2025 |  |  |  |
| 9.04 | DCL | Vũ Xuân Huy Hoàng                                           |  |                          | Con đẻ         |      |  |  |  | 0 | 0 | 01/05/2025 |  |  |  |
| 9.05 | DCL | Vũ Xuân Huy Khánh                                           |  |                          | Con đẻ         |      |  |  |  | 0 | 0 | 01/05/2025 |  |  |  |
| 9.06 | DCL | Nguyễn Thị Hoa                                              |  |                          | Chị ruột       | CCCD |  |  |  | 0 | 0 | 01/05/2025 |  |  |  |

|       |     |                                       |            |                                                   |                 |          |  |  |  |  |   |   |            |  |  |  |
|-------|-----|---------------------------------------|------------|---------------------------------------------------|-----------------|----------|--|--|--|--|---|---|------------|--|--|--|
| 9.07  | DCL | Nguyễn Tuấn Dương                     |            |                                                   | Em ruột         | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 01/05/2025 |  |  |  |
| 9.08  | DCL | Nguyễn Nhật Anh                       |            |                                                   | Em dâu          | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 01/05/2025 |  |  |  |
| 9.09  | DCL | Vũ Văn Hải                            |            |                                                   | Bố chồng        | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 01/05/2025 |  |  |  |
| 9.10  | DCL | Nguyễn Thị Mai                        |            |                                                   | Me chồng        | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 01/05/2025 |  |  |  |
| 9.11  | DCL | Vũ Duy Tiến                           |            |                                                   | Em chồng        | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 01/05/2025 |  |  |  |
| 9.13  | DCL | Công Ty Cổ Phần Dược phẩm Benovas     |            |                                                   | TGĐ, người ĐDPL | ĐKKD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 01/05/2025 |  |  |  |
| 9.14  | DCL | Công Ty Cổ Phần Thuốc Ưng Thụ Benovas |            |                                                   | TGĐ, người ĐDPL | ĐKKD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 01/05/2025 |  |  |  |
| 10    | DCL | Nguyễn Trọng Đức                      |            | Phó TGĐ SX&SC                                     |                 | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 06/09/2024 |  |  |  |
| 10.01 | DCL | Nguyễn Hồng Trường                    |            |                                                   | Bố (mất)        |          |  |  |  |  |   |   |            |  |  |  |
| 10.02 | DCL | Đặng Thị Diệu                         |            |                                                   | Me (mất)        |          |  |  |  |  |   |   |            |  |  |  |
| 10.03 | DCL | Nguyễn Trọng Ân                       |            |                                                   | Anh trai        | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 06/09/2024 |  |  |  |
| 10.04 | DCL | Nguyễn Thị Thanh Bình                 |            |                                                   | Chị gái         | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 06/09/2024 |  |  |  |
| 10.05 | DCL | Nguyễn Thị Thanh Lan                  |            |                                                   | Em gái          | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 06/09/2024 |  |  |  |
| 10.06 | DCL | Nguyễn Thị Thanh Vân                  |            |                                                   | Vợ              | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 06/09/2024 |  |  |  |
| 10.07 | DCL | Nguyễn Trọng Hiếu                     |            |                                                   | Con trai        | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 06/09/2024 |  |  |  |
| 10.08 | DCL | Nguyễn Phương Thảo                    |            |                                                   | Con gái         | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 06/09/2024 |  |  |  |
| 10.09 | DCL | Phạm Thị Quang                        |            |                                                   | Mẹ vợ           | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 06/09/2024 |  |  |  |
| 10.10 | DCL | Nguyễn Văn Tuấn                       |            |                                                   | Anh rể          | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 06/09/2024 |  |  |  |
| 10.11 | DCL | Công ty Cổ phần TBYT Benovas          |            |                                                   | PTGD            | ĐKKD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 06/09/2024 |  |  |  |
| 10.12 | DCL | Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas     |            |                                                   | PTGD            | ĐKKD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 06/09/2024 |  |  |  |
| 11    | DCL | SUBHASH KESAVAN NAIR                  |            | PTGD                                              |                 | Hộ chiếu |  |  |  |  | 0 | 0 | 01/12/2025 |  |  |  |
| 11.01 | DCL | KAVITHA SUBHASH NAIR                  |            |                                                   | Vợ              | Hộ chiếu |  |  |  |  | 0 | 0 | 01/12/2025 |  |  |  |
| 11.02 | DCL | ISHITA SUBHASH NAIR                   |            |                                                   | Con             | Hộ chiếu |  |  |  |  | 0 | 0 | 01/12/2025 |  |  |  |
| 12    | DCL | Phạm Chung Đình                       | 009C457979 | Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh PT Khối TT Dược phẩm |                 | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 04/05/2026 |  |  |  |
| 12.01 | DCL | Phạm Văn Thùng                        |            |                                                   | Cha ruột        | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 04/05/2026 |  |  |  |
| 12.02 | DCL | Hồ Thị Minh Nguyệt                    |            |                                                   | Me ruột         | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 04/05/2026 |  |  |  |
| 12.03 | DCL | Phạm Quốc Minh                        |            |                                                   | Em ruột         | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 04/05/2026 |  |  |  |
| 12.04 | DCL | Phạm Long Hải                         |            |                                                   | Em ruột         | CCCD     |  |  |  |  | 0 | 0 | 04/05/2026 |  |  |  |

|       |     |                                       |            |                    |                    |      |  |  |        |   |   |            |  |  |  |
|-------|-----|---------------------------------------|------------|--------------------|--------------------|------|--|--|--------|---|---|------------|--|--|--|
| 12.05 | DCL | Ấu Thị Bích Liễu                      |            |                    | Em dâu             | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 04/05/2026 |  |  |  |
| 12.06 | DCL | Trần Thị Thu Hà                       |            |                    | Em dâu             | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 04/05/2026 |  |  |  |
| 12.07 | DCL | Trần Thị Bích Duyên                   |            |                    | Mẹ vợ              | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 04/05/2026 |  |  |  |
| 12.08 | DCL | Nguyễn Thành Bích Đào                 |            |                    | Vợ                 | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 04/05/2026 |  |  |  |
| 12.09 | DCL | Phạm Nguyễn Nhã Uyên                  |            |                    | Con ruột           | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 04/05/2026 |  |  |  |
| 12.10 | DCL | Phạm Nguyễn Thái Uyên                 |            |                    | Con ruột           | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 04/05/2026 |  |  |  |
| 13    | DCL | Nguyễn Lâm Minh Thương                | 001C523800 | Giám đốc tài chính |                    | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 13.01 | DCL | Nguyễn Duy Dương                      |            |                    | Ba ruột            | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 13.02 | DCL | Lâm Ngọc Lý                           |            |                    | Mẹ ruột            | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 13.03 | DCL | Ngô Thành Thía                        |            |                    | Chồng              | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 13.04 | DCL | Ngô Minh Thy                          |            |                    | Con đẻ             | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 13.05 | DCL | Ngô Thy Vân                           |            |                    | Con đẻ             | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 13.06 | DCL | Nguyễn Lâm Minh Phương                |            |                    | Chị ruột           | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 13.07 | DCL | Nguyễn Lâm Minh Xuân                  |            |                    | Chị ruột           | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 13.08 | DCL | Nguyễn Lâm Duy Linh                   |            |                    | Em ruột            | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 13.09 | DCL | Trần Thanh Dũng                       |            |                    | Anh rể             | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 13.10 | DCL | Trần Tấn Phúc                         |            |                    | Anh rể             | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 13.11 | DCL | Công ty cổ phần Thiết bị y tế Benovas |            |                    | Giám đốc tài chính | ĐKKD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 13.12 | DCL | Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas     |            |                    | Giám đốc tài chính | ĐKKD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14    | DCL | Bùi Thị Mỹ Đang                       |            | Kế toán trưởng     |                    | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14.01 | DCL | Bùi Văn Ứng                           |            |                    | Bố (đã mất)        |      |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14.02 | DCL | Nguyễn Thị Ngọc Dung                  |            |                    | Mẹ đẻ              | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14.03 | DCL | Phạm Thanh Tùng                       |            |                    | Bố chồng           | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14.04 | DCL | Nguyễn Thị Thủy                       |            |                    | Mẹ chồng           | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14.05 | DCL | Phạm Văn Nin                          |            |                    | Chồng              | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14.06 | DCL | Phạm Ngọc Khánh My                    |            |                    | Con đẻ             |      |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14.07 | DCL | Phạm Ngọc Khả My                      |            |                    | Con đẻ             | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14.08 | DCL | Bùi Văn Hai                           |            |                    | Anh ruột           | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14.09 | DCL | Bùi Thị Oanh                          |            |                    | Chị ruột           | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14.10 | DCL | Bùi Thị Tuyết Loan                    |            |                    | Chị ruột           | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14.11 | DCL | Bùi Hồng Hiếu                         |            |                    | Anh ruột           | CCCD |  |  |        | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14.12 | DCL | Bùi Thanh Đàm                         |            |                    | Anh ruột           | CCCD |  |  | Page 6 | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |

|       |     |                      |            |                                                   |           |      |  |  |  |  |   |   |            |  |  |  |
|-------|-----|----------------------|------------|---------------------------------------------------|-----------|------|--|--|--|--|---|---|------------|--|--|--|
| 14.13 | DCL | Bùi Thanh Đàm        |            |                                                   | Anh ruột  | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14.14 | DCL | Nguyễn Thị Thủy Linh |            |                                                   | Chị dâu   | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14.15 | DCL | Nguyễn Phương Khanh  |            |                                                   | Anh rể    | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14.16 | DCL | Đỗ Tri Tuấn          |            |                                                   | Anh rể    | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14.17 | DCL | Nguyễn Thị Thu Thủy  |            |                                                   | Chị dâu   | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14.18 | DCL | Lê Thị Thanh Diễm    |            |                                                   | Chị dâu   | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 14.19 | DCL | Bùi Minh Loan        |            |                                                   | Chị dâu   | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 29/11/2024 |  |  |  |
| 15    | DCL | Nguyễn Ngọc Bích Ly  | 001C523795 | Người được<br>UQ CBTT,<br>người PT<br>quản trị ty |           | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 14/05/2014 |  |  |  |
| 15.01 | DCL | Nguyễn Ngọc Sang     |            |                                                   | Cha (mất) |      |  |  |  |  |   |   |            |  |  |  |
| 15.02 | DCL | Nguyễn Thị Miêu      |            |                                                   | Mẹ        | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 14/05/2014 |  |  |  |
| 15.03 | DCL | Nguyễn Văn Tịnh      |            |                                                   | Cha chồng | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 14/05/2014 |  |  |  |
| 15.04 | DCL | Phan Thị Ngọc Thương |            |                                                   | Mẹ chồng  | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 14/05/2014 |  |  |  |
| 15.05 | DCL | Nguyễn Tiến Luật     |            |                                                   | Anh       | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 14/05/2014 |  |  |  |
| 15.06 | DCL | Trần Thị Thu Cúc     |            |                                                   | Chị dâu   | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 14/05/2014 |  |  |  |
| 15.07 | DCL | Nguyễn Nhã Yến       |            |                                                   | Còn       | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 14/05/2014 |  |  |  |
| 15.08 | DCL | Nguyễn Thanh Phong   |            |                                                   | Chồng     | CCCD |  |  |  |  | 0 | 0 | 14/05/2014 |  |  |  |